

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 7 - 2022.

V/v: “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quang.

2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST - HNGĐ ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị D, sinh 1981.(Vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: Thôn Nam H, xã Phú T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh 1972 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Đội 6, thôn La H, xã Nghĩa T, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2022, bản tự khai ngày 10/3/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày:

Chị và anh Lê Minh T tự nguyện tìm hiểu yêu đương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T, huyện Tư N vào năm 2003. Lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T thường xuyên uống rượu say la chửi vợ con. Chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi tính tình mà vẫn tính nết như vậy, nên

vợ chồng cãi vã nhau, không quan tâm lẫn nhau. Cũng từ đó tình cảm vợ chồng đã rạn nứt. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Minh T.

Về con chung: Có 02 con tên Lê Phan Minh T, sinh ngày 26/01/2004 và Lê Phan Thùy N, sinh ngày 10/9/2005 hiện 02 con đang ở với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được quyền nuôi con Lê Phan Thùy N, chị không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Lê Phan Minh T đã đủ 18 tuổi tự lo cho bản thân, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Lê Minh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa để làm việc, anh từ chối trình bày về việc nguyên đơn khởi kiện.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị D. Chị D phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn đều cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ cho anh Lê Minh T được quy định tại Điều 174 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T đều không hợp tác và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Anh T vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227,238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D và anh Lê Minh T có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của chị D trong quá trình vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T uống rượu say xỉn lo chửi vợ con. Chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi tính tình mà vẫn tính nết tật nết, nên vợ chồng cãi vã nhau, không quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Minh T.

[2.3] Đối với anh Lê Minh T trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết, Tòa án triệu tập anh đến làm việc, anh cũng không có ý kiến trình bày theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều văn bản tố tụng của Tòa án được quy định tại Điều 174 Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng anh T không hợp tác, có thái độ cố tình tránh né không đến Tòa khai báo, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử cần phê phán thái độ thiếu ý thức của anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng anh và chị không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm không tiến triển mà còn trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do anh T. Từ đó vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, anh chị sống ly hôn từ năm 2016. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho đôi bên có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị D được ly hôn anh Lê Minh T.

[3] Về con chung: Có 02 con tên Lê Phan Minh T, sinh ngày 26/01/2004 và Lê Phan Thùy N, sinh ngày 10/9/2005 hiện 02 con đang ở với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được quyền nuôi con Lê Phan Thùy N, chị không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con được chấp nhận. Đối với con Lê Phan Minh T đã đủ 18 tuổi tự lo cho bản thân, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị D được ly hôn anh Lê Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Phan Thùy N, sinh ngày 10/9/2005 cho chị Phan Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị D không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002030 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông